

Bản án số: 193/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Duy Hiếu
- Ông Huỳnh Văn Minh

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14- An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- An Giang tham gia phiên toà:** Ông Châu Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 674/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 789/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn **Bùi Công T**, sinh năm 1980 (có mặt); địa chỉ: **Số nhà E đường C** tháng tám, **ấp B, xã T, tỉnh An Giang**; CCCD số: 089080021571.

2. Bị đơn: **Võ Thị Diễm T1**, sinh năm 1985 (vắng mặt); địa chỉ: **Ấp C, xã T, tỉnh An Giang** (nay là **ấp A, xã T, tỉnh An Giang**); CCCD số: 089185007369.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 07/5/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn **Bùi Công T** trình bày:

Ông **T** và bà **T1** có thời gian quen biết nhau do tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới về chung sống có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn T** vào năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, tình cảm vợ chồng rạn nứt, thường xuyên cãi nhau, bất đồng

quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Hiện không còn tình cảm ông **T** kiên quyết ly hôn.

Về con chung có 01 con chung tên **Bùi Ngọc Tường V**, sinh ngày 24/9/2018 hiện bà **T1** đang nuôi dưỡng, ông **T** đồng ý giao con chung cho bà **T1** tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn **Võ Thị Diễm T1** vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- An Giang phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống năm 2018 có đăng ký kết hôn hợp pháp, do mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bỏ mặc nhau tự sống và đã có thời gian ly thân từ năm 2022 cho đến nay, mâu thuẫn giữa ông **T** và bà **T1** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung có 01 con chung tên **Bùi Ngọc Tường V**, sinh ngày 24/9/2018 hiện bà **T1** đang nuôi dưỡng, bà **T1** yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ đề nghị chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 07 tháng 5 năm 2026 ông **Bùi Công T** có đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con với bà **Võ Thị Diễm T1**, bà **T1** cư trú tại **ấp C, xã T, tỉnh An Giang**. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn **Võ Thị Diễm T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập lên làm việc nhưng nhiều lần vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 31/7/2026 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 789/2026/QĐST-HNGĐ

ngày 31/7/2026 và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hôn nhân giữa ông **T** và bà **T1** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn **T** vào năm 2018 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa ông **T** và bà **T1** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, ông **T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà **T1**. Xét thấy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa ông **T** và bà **T1** đã trầm trọng đến mức ly thân hai bên bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự yêu thương, chia sẻ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, từ thời điểm ly thân bà **T1** đã cắt đứt mọi liên lạc tự sinh sống, ông **T** không tới lui, thăm hỏi tìm cách hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Tình trạng hôn nhân giữa ông **T** và bà **T1** có kéo dài cũng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể đạt được, ông **T** yêu cầu ly hôn, bà **T1** lại liên tục vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án, không tạo cơ hội để hòa giải với ông **T** tìm cách duy trì, hàn gắn lại tình cảm hôn nhân. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông **T** được ly hôn với bà **T1** là có căn cứ.

[3] Về con chung: Ông **T** và bà **T1** có 01 con chung tên **Bùi Ngọc Tường V**, sinh ngày 24/9/2018 hiện bà **T1** đang nuôi dưỡng, ông **T** yêu cầu giao con chung cho bà **T1** nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Do bà **T1** vắng mặt không thể hiện ý kiến về vấn đề hôn nhân và con chung, Tòa án cũng không ghi nhận được nguyện vọng của con chung. Tuy nhiên, xét hiện tại con chung vẫn do bà **T1** nuôi dưỡng việc giao con chung cho bà **T1** nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên có cơ sở xem xét, chấp nhận. Ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm con chung. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, Tòa án sẽ xem xét khi bà **T1** có đơn yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Ông **Bùi Công T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Bùi Công T.** Ông **Bùi Công T** được ly hôn với bà **Võ Thị Diễm T1.**

Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2018 ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà **Võ Thị Diễm T1** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Bùi Ngọc Tường V**, sinh ngày 24/9/2018. Ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **T** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống chung với bà **T1**, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà **T1**.

Ông **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà **T1** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông **T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông **T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà **T1** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Ông **Bùi Công T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 307265 ngày 21-5-2026 tại Thị hành án Dân sự tỉnh An Giang. Ông **Bùi Công T** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV 14- An Giang;
- Phòng THADS KV 14- An Giang;
- UBND xã Tri Tôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

